

Hợp đồng chuyển giao công nghệ về (Tên của công nghệ) giữa

(Tên, địa chỉ đầy đủ, nơi đăng ký kinh doanh, số tài khoản, nơi mở tài khoản, người đại diện của
bên giao công nghệ, sau đây gọi là "Bên giao")

và

(Tên, địa chỉ đầy đủ, nơi đăng ký kinh doanh, số tài khoản, nơi mở tài khoản, người đại diện của
bên nhận công nghệ, sau đây gọi là "Bên nhận")

MỞ ĐẦU

Hợp đồng này dựa trên sự hiểu biết sau đây giữa Bên giao và Bên nhận:

- a) Bên giao có quyền sở hữu (hoặc quyền sử dụng) các đối tượng sở hữu công nghiệp hoặc thông tin, bí quyết kỹ thuật có giá trị thương mại và có khả năng áp dụng trong sản xuất, kinh doanh (sản phẩm)
- b) Bên giao đã tiến hành sản xuất và bán (sản phẩm) qua (một số) năm.
- c) Bên giao có quyền và có khả năng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, thông tin kỹ thuật nói trên cho Bên nhận để Bên nhận sản xuất, kinh doanh (sản phẩm).
- d) Bên nhận mong muốn và có khả năng tiếp nhận và áp dụng công nghệ sản xuất (sản phẩm)
- e) Các bên ký kết tin tưởng vào sự thành công của việc chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp, bí quyết, thông tin kỹ thuật, trợ giúp kỹ thuật của Bên giao cho sự thành công trong sản xuất và bán (sản phẩm) của Bên nhận.
- f) (Các khả năng và các dự tính khác)

Điều 1: Các định nghĩa

Trong hợp đồng này các từ ngữ dưới đây được định nghĩa như sau:

- (a) "Sản phẩm" có nghĩa là các sản phẩm được liệt kê và nêu rõ trong phụ lục A.
- (b) "Công nghệ" có nghĩa là bí quyết sản xuất, các kỹ năng, các kỹ thuật và các quá trình cần thiết để sản xuất ra các sản phẩm phù hợp với các thông số kỹ thuật nêu tại phụ lục A.
- (c) "Thông tin công nghệ" có nghĩa là toàn bộ các thông tin cần thiết để triển khai và sử dụng công nghệ, để thiết kế, chế tạo, phát triển kỹ thuật, sản xuất, chế biến, chế tạo, sử dụng, vận hành, đại tu, sửa chữa, bảo trì, thay đổi hay kết cấu lại sản phẩm. Những thông tin này bao gồm nhưng không giới hạn, các chỉ dẫn, các bản thiết kế, các ảnh chụp, các sơ đồ và phần mềm máy tính hoặc các thông tin cần thiết khác.
- (d) "Tài liệu" có nghĩa là các tài liệu và các tư liệu khác được nêu ra trong điều 4.1
- (e) "Đào tạo" là việc đào tạo được mô tả và ghi rõ ở điều 4.2.
- (f) "Hỗ trợ kỹ thuật" có nghĩa là các trợ giúp cần thiết để đảm bảo rằng sản phẩm đạt được chất lượng theo thiết kế hoặc giải quyết các vấn đề khó khăn, sai sót trong áp dụng công nghệ.

(g) "Kỹ thuật viên" có nghĩa là bất cứ người điều hành, huấn luyện viên, nhân viên, tư vấn được Bên giao gửi tới Bên nhận với mục đích cung cấp trợ giúp kỹ thuật.

(h) "Lãnh thổ" có nghĩa là đất nước của Bên nhận, các lãnh thổ khác theo thỏa thuận.

(i) "Giá bán tịnh" được dùng làm cơ sở thanh toán hợp đồng chuyển giao công nghệ được định nghĩa là tổng giá bán sản phẩm dịch vụ mà trong quá trình tạo ra chúng có áp dụng công nghệ được chuyển giao tính theo hoá đơn bán hàng trừ đi các khoản sau đây:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng,....
- Chiết khấu thương mại
- Chi phí đầy đủ cho việc mua các bán thành phẩm, bộ phận, chi tiết linh kiện từ bất kể nguồn cung cấp nào
- Chi phí bao bì, đóng gói, vận tải, quảng cáo.

(Chú ý: giá bán tịnh áp dụng đối với những hợp đồng được trả theo kỳ vụ)

(j) "Chính phủ" là Chính quyền quốc gia, chính quyền địa phương, các nhà chức trách địa phương và đại diện của họ.

(k) "Bất khả kháng" có nghĩa là các bên sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ trục trặc hay chậm trễ nào trong quá trình thực hiện hợp đồng do các điều kiện bất khả kháng bao gồm, nhưng không giới hạn, chiến tranh, bạo loạn, nổi loạn, các hành động phá hoại, đình công, luật hoặc quy định mới của Chính phủ, cháy nổ, hoặc các tai nạn không tránh được khác như: lụt lội, bão, động đất hoặc các hiện tượng thiên nhiên không bình thường khác.

(l) "Ngày" có nghĩa là ngày theo lịch, bao gồm tất cả những ngày không làm việc và ngày nghỉ. Tất cả các ngày được tính theo dương lịch.

Điều 2: Phạm vi công nghệ

Bên giao đồng ý chuyển giao cho Bên nhận, công nghệ mà Bên giao đang sử dụng khi hợp đồng có hiệu lực, để sản xuất các sản phẩm được liệt kê chi tiết ở phụ lục A. Công nghệ là phù hợp với tất cả các yêu cầu về công suất, hiệu suất và sự phát tán ô nhiễm đã nêu trong phụ lục A.

Điều 3: Lãnh thổ và độc quyền

3.1 Sử dụng công nghệ và sản xuất sản phẩm.(các bên lựa chọn 1 trong 2 phương án)

(a) Bên nhận được phép độc quyền sử dụng công nghệ để chế tạo sản phẩm trong lãnh thổ.

(b) Bên nhận có quyền sử dụng công nghệ để chế tạo sản phẩm trong lãnh thổ.

3.2 Bán sản phẩm (các bên lựa chọn 1 trong 3 phương án)

(a) Bên nhận có quyền bán sản phẩm trong lãnh thổ và trên thế giới

(b) Bên nhận có độc quyền bán sản phẩm trong lãnh thổ

(c) Bên nhận có quyền bán sản phẩm trong lãnh thổ và trên thế giới. Bên giao có quyền bán sản phẩm trong lãnh thổ một cách trực tiếp hoặc thông qua các bên thứ ba.

3.3 Chuyển giao công nghệ từ Bên nhận cho bên thứ 3 (các bên lựa chọn 1 trong 2 phương án)

- (a) Tùy thuộc vào các điều khoản của điều 12 (Bí mật), Bên nhận có quyền chuyển giao công nghệ cho bên thứ 3 trong lãnh thổ.
- (b) Không có điều khoản nào về quyền chuyển giao công nghệ của Bên nhận.

Điều 4: Chuyển giao công nghệ

Bên giao đồng ý cung cấp tất cả tài liệu, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật cần thiết để sản xuất sản phẩm theo đúng các đặc tính kỹ thuật được nêu trong phụ lục A và theo đúng thời gian biểu được lập ở khoản 4.4 dưới đây.

4.1 Tài liệu

4.1.1 Phạm vi của tài liệu: Tài liệu để sản xuất sản phẩm bao gồm, nhưng không giới hạn ở những tài liệu liệt kê dưới đây:

- (a) Bản vẽ, kế hoạch, thiết kế để sản xuất và lắp ráp.
- (b) Các đặc tính kỹ thuật cụ thể
- (c) Danh mục vật tư
- (d) Bản tính toán tổng quát
- (e) Quy trình và số liệu để kiểm tra, xử lý và quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm.
- (f) Các quy trình sản xuất và lắp ráp
- (g) Các sổ tay hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng
- (h) Phần mềm máy tính
- (i) Biểu đồ và công thức
- (j) Các tài liệu tích hợp khác.

4.1.2 Hình thức của tài liệu: tài liệu phải đầy đủ, chính xác và dễ đọc. Ngôn ngữ của tài liệu (bao gồm cả các bản vẽ, sơ đồ, các bản thiết kế, ...) là (do các bên quy định). Các số đo chiều dài phải được tính theo hệ mét.

4.1.3 Sai sót trong tài liệu: Bất kỳ một sự thiếu sót nào của tài liệu phải được bổ sung ngay không chậm trễ bằng thay thế, mở rộng, hoàn thiện hay bằng các biện pháp thích hợp khác.

4.1.4 Các hư hỏng trong phần mềm máy tính: Phần mềm máy tính bị hỏng, do bất cứ nguyên nhân nào trong thời gian bảo hành, phải được Bên giao thay thế miễn phí ngay lập tức.

4.1.5 Các thay đổi trong tài liệu: Tất cả các nâng cấp, thay đổi, bổ sung, sửa chữa hoặc là các thay đổi khác xảy ra trong thời gian bảo hành đối với bất kỳ tài liệu nào của hợp đồng này phải được chuyển ngay cho Bên nhận.

4.1.6 Chủ sở hữu tài liệu: Theo sự chuyển giao, tất cả tài liệu được giao cho Bên nhận liên quan tới hợp đồng này trở thành quyền sở hữu của Bên nhận.

4.2 Đào tạo

4.2.1 Phạm vi đào tạo: Bên giao đồng ý đào tạo người của Bên nhận trong tất cả các kỹ thuật cần thiết để sản xuất sản phẩm phù hợp với các đặc tính kỹ thuật đã cho trong phụ lục A.

4.2.2 *Chương trình đào tạo*: Trong vòng..... ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực hai bên sẽ thoả thuận:

- (a) Chương trình giảng dạy đào tạo
- (b) Thủ tục kiểm tra thích hợp để khẳng định chương trình đào tạo thành công bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, học viên tự kiểm tra, các tiêu chuẩn để đánh giá học viên và tỷ lệ học viên đạt tiêu chuẩn này trước khi đào tạo kết thúc.
- (c) Ngày bắt đầu và ngày kết thúc đào tạo
- (d) Nơi đào tạo
- (e) Số lượng học viên
- (f) Tên và chất lượng học viên
- (g) Thủ tục để thay thế bất kỳ một học viên nào được phát hiện là không phù hợp trong thời gian đào tạo
- (h) Tên, chất lượng và tình trạng (chuyên viên cao cấp hoặc cấp thấp) của giáo viên.
- (i) Thủ tục thay thế giáo viên không phù hợp trong quá trình đào tạo

4.2.3 *Thay thế giáo viên*: không một giáo viên nào có thể bị thay thế bằng một giáo viên khác mà không cần sự đồng ý bằng văn bản của Bên nhận.

4.2.4 *Ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo*: ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo phải là: Bên giao đảm bảo cung cấp sổ tay đào tạo và các hỗ trợ đào tạo cần thiết khác được viết bằng ngôn ngữ nêu trên.

4.2.5 *Kinh phí đào tạo*: kinh phí đào tạo do Bên chịu. Giá cả được tính theo giờ tiếp xúc giữa giáo viên và học viên. Thời gian các chuyên gia cấp cao được tính bằng(loại tiền, số tiền) cho 1 giờ. Thời gian các chuyên gia cấp thấp được tính bằng(loại tiền, số tiền) cho 1 giờ. Kinh phí đào tạo được tính theo hoá đơn hàng tháng, tiền được trả trong vòng(số ngày) kể từ khi nhận hoá đơn.

4.2.6 *Chi phí khác*: Đi lại, ăn ở và các chi phí khác của giáo viên sẽ do Bên trả.

4.2.7 *Kết thúc đào tạo*: Khi gần kết thúc khoá đào tạo, Bên giao và Bên nhận hoặc đại diện của họ sẽ tổ chức kiểm tra đối với từng học viên. Nếu số phần trăm học viên được thoả thuận trước đạt tiêu chuẩn đã đề ra thì Bên giao và Bên nhận cùng nhau ký vào chứng chỉ kết thúc khoá học. Bản mẫu của chứng chỉ này cho trong phụ lục B.

4.2.8 *Đào tạo không thành công*: Nếu ở cuối khoá học, số phần trăm học viên được thoả thuận trước không đạt chỉ tiêu đã đề ra, thì Bên nhận có quyền đòi hỏi đào tạo thêm trong 1 thời gian hợp lý. Mỗi bên phải chịu phần kinh phí của mình cho khoá đào tạo thêm, trừ khi có thoả thuận khác.

4.3 Hỗ trợ kỹ thuật.

4.3.1 *Hỗ trợ kỹ thuật trong giai đoạn chuẩn bị sản xuất*. Trong giai đoạn chuẩn bị sản xuất, Bên giao sẽ giúp đỡ Bên nhận như sau:.....

4.3.2 *Hỗ trợ kỹ thuật trong giai đoạn bắt đầu sản xuất*. Trong giai đoạn bắt đầu sản xuất cho tới khi cấp chứng chỉ sẵn sàng sản xuất chính thức (như đã được ghi trong khoản 4.5 dưới đây), Bên

giao đồng ý gửi các kỹ thuật viên có chuyên môn thích hợp đến làm việc tại nhà máy của Bên nhận để tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ và hỗ trợ Bên nhận khi cần thiết để đảm bảo sản xuất sản phẩm theo đúng các đặc tính đã ghi trong phụ lục A.

4.3.3 Hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn sản xuất chính thức. Theo yêu cầu của Bên nhận, Bên giao đồng ý cung cấp ngay hỗ trợ kỹ thuật bất cứ lúc nào trong thời hạn hợp đồng bằng điện thoại, email, gửi chuyên gia phù hợp đến nơi sản xuất hoặc là bằng cách khác phù hợp với tình trạng sản xuất ở thời điểm đó.

4.3.4 Những người làm nhiệm vụ hỗ trợ kỹ thuật. Tất cả các giáo viên được Bên giao chọn theo quy định hỗ trợ kỹ thuật là những người có chuyên môn thích hợp, kinh nghiệm phù hợp và có sức khỏe tốt.

Nếu theo yêu cầu của Bên nhận, Bên giao đồng ý gửi sơ yếu lý lịch của mỗi một giáo viên cho Bên nhận trước khi chọn giáo viên hỗ trợ kỹ thuật cho Bên nhận. Bên nhận có thể, theo quy định về quyền và lý do thích đáng, yêu cầu Bên giao rút tên những người không phù hợp và thay thế bằng những người khác.

4.3.5 Quản lý cán bộ kỹ thuật. Trong khi ở nước Bên nhận, các cán bộ kỹ thuật tự quản lý bản thân phù hợp với luật lệ địa phương, các sắc lệnh và luật đang hiện hành.

4.3.6 Thay thế cán bộ kỹ thuật. Nếu bất kỳ một cán bộ kỹ thuật nào được phát hiện là không phù hợp với các lý do như: thiếu chuyên môn, thiếu kỹ thuật, sức khỏe tồi, quản lý kém hoặc bất kỳ lý do quan trọng nào khác thì sẽ được Bên nhận thông báo cho Bên giao để rút cán bộ kỹ thuật này về và thay thế không chậm trễ bằng người khác. Bên giao phải chịu chi phí cho việc rút và thay người.

4.3.7 Trách nhiệm của Bên nhận. Bên nhận có trách nhiệm xin visa vào (nước của Bên nhận), giấy phép làm việc, giấy phép cư trú và các tài liệu cần thiết khác được sử dụng cho mỗi cán bộ kỹ thuật. Bên giao chịu chi phí của visa và các giấy phép. Bên nhận bố trí cho các cán bộ kỹ thuật chỗ ở, ăn, tiền thù lao và các trang bị theo phụ lục D. Bên giao hay cán bộ kỹ thuật chịu chi phí như ăn ở và dịch vụ.

4.3.8 Chi phí hỗ trợ kỹ thuật. Chi phí hỗ trợ kỹ thuật được tính toán tại điều kiện cạnh tranh thông thường nhất.

4.3.9 Thất bại của sự cung cấp hỗ trợ kỹ thuật. Bên nhận được quyền đòi Bên giao bồi thường cho tất cả các chi phí hoặc tổn thất do Bên giao không đảm bảo cung cấp hỗ trợ kỹ thuật đúng thời gian hoặc hỗ trợ kỹ thuật đúng theo yêu cầu.

4.4 Thời gian biểu

4.4.1 Các sự kiện trong thời gian biểu. Các bên đồng ý thời gian biểu dưới đây để chuyển giao công nghệ trong hợp đồng này:

(a) Trong số ngày được nêu khi hợp đồng có hiệu lực, Bên giao gửi đến các tài liệu sau đây:

<tài liệu>..... trong <số> ngày.

<tài liệu>..... trong <số> ngày.

(b) Đào tạo được bắt đầu và kết thúc vào các ngày đã được ghi trong khoản 4.2 nêu trên

(c) Giấy chứng nhận sẵn sàng sản xuất chính thức được phát hành<số> ngày sau khi phát hành chứng nhận đào tạo thành công.

4.4.2 Chậm trễ: nếu như Bên giao gửi thiếu hoặc gửi chậm bất cứ tài liệu nào đã thoả thuận, Bên nhận hoàn toàn có thể đòi bồi thường thiệt hại<loại tiền>.....<số tiền> cho 1 ngày chậm trễ của mỗi một loại tài liệu. Nếu như sự chậm trễ vượt quá<số ngày> đã được thoả thuận trước với bất kỳ lý do gì thì Bên nhận có quyền huỷ hợp đồng.

Nếu với một lý do nào nằm trong giới hạn cho phép, Bên giao chưa kết thúc đào tạo theo như thời gian thoả thuận, thì Bên nhận có quyền đòi bồi thường thiệt hại....<loại tiền>, ...<số tiền> cho một ngày. Nếu sự chậm trễ vượt quá<số ngày> thì Bên nhận có quyền huỷ hợp đồng.

4.5 Chứng nhận sẵn sàng sản xuất chính thức

4.5.1 Cấp giấy chứng nhận sẵn sàng sản xuất chính thức được thực hiện khi xác định chạy sản xuất thử trong<số> giờ sử dụng công nghệ chuyển giao của hợp đồng hoàn toàn thành công. Sự chạy thử này được tiến hành vào ngày hoặc trước ngày hai bên ký trong khoản 4.4 nêu trên. Khi chạy thử thành công hoàn toàn, Bên giao và Bên nhận sẽ cấp giấy chứng nhận sẵn sàng sản xuất chính thức do hai bên ký. Mẫu của giấy chứng nhận này được nêu trong phụ lục A.

4.5.2 Chạy thử không thành công và chạy thử lại bị chậm trễ. Nếu chạy thử không thành công, các bên đồng ý lập tức cố gắng hết sức áp dụng công nghệ để sửa chữa các khuyết tật đó.

Nếu chạy sản xuất thử hoặc cấp giấy chứng nhận sẵn sàng sản xuất chính thức hoặc chạy thử lại mà bị chậm trễ quá mức vì một lý do nào đó do trách nhiệm của một bên, thì bên kia có quyền tuyên bố đòi bồi thường thiệt hại với một tổng số là....<loại tiền>,<số tiền> cho một ngày chậm trễ nhân với số ngày chậm trễ. Sau khi chậm trễ....<số ngày>, thì Bên nhận có quyền tuyên bố kết thúc hợp đồng

Điều 5. Giá cả

5.1 Giá cả thanh toán (lựa chọn 1 trong 3 cách).

(a) Giá cả thanh toán cho công nghệ được định ra trong điều 2 bao gồm một khoản trả trọn gói<số tiền> và khoản trả kỳ vụ<số phần trăm của giá bán tịnh>.

(b) Giá cả thanh toán cho công nghệ được định ra trong điều 2 bao gồm một khoản trả kỳ vụ<số phần trăm của giá bán tịnh>.

(c) Giá cả thanh toán cho công nghệ được định ra trong điều 2 bao gồm số tiền thanh toán trả gọn là.....<số tiền>.

5.2 Giá cả có lợi nhất.

Bên giao thoả thuận là giá cả công nghệ không đắt hơn giá mà Bên giao bán cho bất cứ bên thứ ba nào, hoặc đây là giá cả mà Bên giao sẽ bán cho bên thứ ba trong thời hạn của hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Nếu Bên giao đưa ra giá cả công nghệ có lợi hơn cho bên thứ ba thì Bên giao đồng ý lập tức giảm giá cả thanh toán trong hợp đồng và trả lại tiền thừa cho Bên nhận.

Điều 6: Điều khoản thanh toán.

6.1 Thanh toán

(a) Ngày tính toán để trả phí kỳ vụ là ngày cuối cùng của tháng 3, 6, 9, 12 của mỗi năm.

Bản kê thanh toán phí kỳ vụ được gửi đến cho Bên giao trong ...<số ngày> được tính toán. Bản kê thanh toán phí kỳ vụ bao gồm giá bán tịnh, tổng giá bán loại sản phẩm, số lượng và loại sản phẩm Bên giao đã bán theo hợp đồng này.

Kỳ trả phí kỳ vụ sau là số ngày được tính toán tiếp theo.

Bên nhận phải đảm bảo tính trung thực và chính xác của các tài khoản, các hoá đơn, các ghi chép hàng ngày và tất cả các ghi chép cần thiết khác nhằm bảo đảm việc tính toán và kiểm tra bản kê thanh toán phí kỳ vụ.

Dựa vào các ghi chép này, Bên nhận phải cho phép Bên giao, đại diện của Bên giao hoặc một công ty kiểm toán độc lập được Bên giao chỉ định kiểm tra tất cả các ghi chép. Việc kiểm tra này phải được tiến hành trong các giờ buôn bán bình thường để kiểm tra bản kê thanh toán phí kỳ vụ.

(b) Phí trả gọn được trả trong<số ngày> của mỗi một sự kiện hợp đồng tiếp theo:

- Ngày hợp đồng có hiệu lực
- Nhận được toàn bộ tài liệu đã liệt kê trong điều 4.
- Ngày bắt đầu chương trình đào tạo.
- Ngày cấp chứng chỉ sẵn sàng sản xuất chính thức.

6.2 Chậm trễ.

Nếu Bên nhận trả chậm mà không phải là lý do bất khả kháng, thì Bên nhận phải trả tiền lãi cho số tiền trả chậm. Số tiền lãi được tính như sau: Lãi suất được tính cho một ngày nhân với số ngày chậm. Lãi suất này được lấy theo lãi suất của ngân hàng trung ương<nước>.

6.3 Loại tiền

Khoản trả gọn, khoản phải trả cho đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và tất cả các khoản nợ khác trong hợp đồng này được định rõ là được trả bằng <loại tiền>.

Phí kỳ vụ được tính bằng <tiền của nước Bên nhận>. Tổng số tiền phí kỳ vụ này được đổi thành <loại tiền> theo tỷ giá hối đoái chính thức giá mua <loại tiền> ở nước Bên nhận.

Điều 7: Thuế

Nếu như chính phủ <nước Bên nhận> đánh thuế hải quan, lệ phí và các khoản trích nộp hay là các loại thuế tương tự đối với Bên nhận cho việc hình thành, áp dụng hay thực hiện hợp đồng này thì tất cả những loại thuế hoặc trích nộp như vậy Bên nhận phải chịu.

Nếu như chính phủ <nước Bên nhận> đánh thuế hải quan, lệ phí và các khoản trích nộp hay là các loại thuế tương tự đối với Bên giao hoặc nhân viên của Bên giao cho việc hình thành,

áp dụng hay thực hiện hợp đồng này thì tất cả những loại thuế hoặc trích nộp như vậy Bên giao hoặc nhân viên của Bên giao chịu.

Tất cả các thuế hải quan, cước phí, thuế hay các chi phí tương tự ở bên ngoài <nước Bên nhận> do Bên giao chịu.

Điều 8: Cải tiến và đổi mới

8.1 Nghiên cứu và triển khai.

Phụ thuộc vào điều 12 về "giữ bí mật", Bên nhận có quyền tự do thực hiện các nghiên cứu và triển khai, và cho phép bên thứ ba thay mặt mình nghiên cứu và triển khai các sản phẩm và quy trình sản xuất là đối tượng của hợp đồng này.

8.2 Nghĩa vụ thông báo các cải tiến và đổi mới.

Bất cứ lúc nào trong thời gian của hợp đồng có hiệu lực, một trong hai bên tìm ra hay bằng cách có được bất kỳ cải tiến hoặc đổi mới nào trong thiết kế hay phương thức sản xuất sản phẩm, thì bên này ngay lập tức báo cho bên kia biết về cải tiến hoặc đổi mới đó (các bên thoả thuận về điều kiện chuyển giao công nghệ các cải tiến, đổi mới).

8.3 Kinh phí chuyển giao các cải tiến và đổi mới.

Bên nhận không phải trả tiền cho việc chuyển giao cải tiến và đổi mới của Bên giao. Tuy nhiên, Bên nhận phải thanh toán các phí tổn thực tế nảy sinh cho chuẩn bị tài liệu, đào tạo hay cung cấp giúp đỡ kỹ thuật.

8.4 Phát minh sáng chế hoặc các bản quyền khác đối với cải tiến và đổi mới.

Nếu như một bên tạo ra sự cải tiến hoặc đổi mới, nhận được bản quyền phát minh sáng chế hoặc quyền sở hữu trí tuệ từ đó, thì bên này phải cấp cho bên kia giấy phép không độc quyền miễn phí về phát minh hoặc quyền sở hữu trí tuệ (gồm tất cả các phí cấp phép hoặc phí kỳ vụ), tuy nhiên các chi phí thực tế phát sinh cho việc cấp phép trên được hoàn trả theo hoá đơn thanh toán.

Điều 9: Bảo đảm và bảo hành.

9.1 Bảo đảm công nghệ.

Bên giao bảo đảm rằng công nghệ được chuyển giao sẽ phù hợp với việc sản xuất sản phẩm, các tài liệu, đào tạo và giúp đỡ kỹ thuật sẽ phù hợp với việc chuyển giao toàn bộ công nghệ.

9.2 Thủ tục khi công nghệ có sai sót.

Nếu công nghệ, mặc dù được Bên nhận thực hiện đầy đủ và đúng với chỉ dẫn của Bên giao, nhưng việc sản xuất ra những sản phẩm khác biệt về chất lượng so với tiêu chuẩn trong phụ lục A (tiêu chuẩn này gồm tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, hiệu quả của quá trình, khả năng sản xuất của nhà máy và độ thải chất ô nhiễm), thì Bên giao phải ngay lập tức:

- (a) Xác minh nguyên nhân gây ra sai sót đó.
- (b) Tiến hành những thay đổi cần thiết về công nghệ để sản xuất ra đúng sản phẩm đã được quy định
- (c) Thông báo cho Bên nhận những thay đổi như vậy

(d) Cung cấp những tài liệu, đào tạo hay giúp đỡ kỹ thuật bổ sung cần thiết. Bên nhận sẽ không phải trả tiền cho những hoạt động mới nảy sinh này.

9.3 Kinh phí bảo hành.

Tất cả chi phí, mất mát hay thiệt hại của Bên nhận do sai sót về công nghệ của Bên giao gây ra sẽ được Bên giao đền bù.

Điều 10: Bảo vệ môi trường và ngăn chặn các hậu quả có hại.

Bên giao cam kết thông báo đầy đủ và rõ ràng cho Bên nhận tất cả các thông tin mà Bên giao biết về những hậu quả có thể xảy ra đối với môi trường, môi sinh và người lao động do việc sử dụng công nghệ, ngoài ra, khi có bất kỳ thông tin mới nào về mặt này. Bên giao sẽ thông báo ngay đầy đủ và rõ ràng cho Bên nhận.

Bên giao cam kết thông báo đầy đủ và rõ ràng cho Bên nhận tất cả các thông tin mà Bên giao biết về việc ngăn cấm hay hạn chế việc sản xuất sản phẩm theo công nghệ được chuyển giao ở bất cứ nước nào vào bất cứ thời điểm nào. Hơn nữa, khi có thông tin mới được biết, Bên giao sẽ cho Bên nhận biết ngay, đầy đủ và rõ ràng.

Điều 11: Sự vi phạm quyền sở hữu công nghệ của bên thứ ba.

Bên giao thoả thuận là họ không biết và không có lý do để tin vào sự tồn tại của bất kỳ sáng chế nào hoặc quyền sở hữu công nghệ khác thuộc về bất cứ bên thứ ba nào mà Bên nhận sẽ xâm phạm khi sử dụng công nghệ.

Tuy nhiên, nếu có bên thứ ba tuyên bố là sự sử dụng công nghệ của Bên nhận vi phạm quyền sở hữu công nghệ và có hành động chống lại Bên nhận với các lý do này, thì Bên nhận sẽ lập tức thông báo cho Bên giao. Bên giao sẽ thừa nhận tất cả trách nhiệm để bảo vệ Bên nhận. Bên nhận sẽ làm hết khả năng để giúp đỡ Bên giao chống lại bên thứ ba.

Tất cả các chi phí do Bên giao phải trả.

Trong trường hợp Bên nhận bị xác nhận là xâm phạm thì Bên giao đền bù và bồi hoàn cho Bên nhận những chi phí bảo vệ nói trên cũng như bất kỳ khoản bồi thường thiệt hại hay chi phí nào đó mà toà án bắt Bên nhận phải chịu.

Điều 12: Giữ bí mật.

Mỗi bên nhất trí và cam kết với bên kia rằng trong thời gian của hợp đồng đã được phê duyệt cho dù hợp đồng kết thúc hoặc chấm dứt sớm hơn thời hạn hợp đồng đã được thoả thuận và phê duyệt sẽ không tiết lộ, dù là vô tình hay cố ý, về bất kỳ thông tin công nghệ nào (bao gồm công nghệ và mọi bí mật thương mại, kiến thức kỹ thuật, bí quyết, kỹ năng kỹ thuật, mẫu mã, công thức, quy trình, phương pháp và bất kỳ thông tin nào khác có giá trị thương mại) nhận được từ bên kia, trừ khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia. Sự đồng ý này sẽ không bị bác bỏ nếu không có lý do chính đáng.

Tuy nhiên điều này không áp dụng đối với các thông tin mà Bên nhận đã biết trước thời điểm chuyển giao, cũng như đối với các thông tin công nghệ đã hoặc đang trở thành phổ biến

rộng rãi không do vi phạm hợp đồng này hoặc Bên nhận có được một cách hợp pháp từ các bên thứ ba không hạn chế bảo mật. Đồng thời trong chừng mực cần thiết để thực hiện mục tiêu của hợp đồng này, Bên nhận được phép tiết lộ cho các nhân viên của mình hoặc người khác những thông tin công nghệ cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của mình như sản xuất, sử dụng bán hay thay đổi sản phẩm với điều kiện là trước khi tiết lộ thông tin như vậy, Bên nhận phải thông báo cho nhân viên liên quan biết về nghĩa vụ bảo mật theo hợp đồng này và phải đảm bảo cho các nhân viên đó thực hiện nghĩa vụ bảo mật trong mọi thời điểm.

Bên giao có nghĩa vụ tương tự về việc giữ bí mật nếu nhận được các thông tin công nghệ có liên quan đến hợp đồng từ Bên nhận.

Trong bất kỳ trường hợp nào, Bên giao không được để lộ ra cho bất kỳ bên thứ ba về thông tin bí mật mà Bên nhận đã chuyển cho Bên giao có liên quan đến hợp đồng này.

Điều 13: Bất khả kháng

Nếu một trong hai bên bị ngăn cản hay chậm trễ trong việc thực hiện bất kỳ một điều khoản nào của hợp đồng này vì những lý do bất khả kháng đã nêu rõ ở điều 1, thì bên đó không bị coi là có lỗi và bên kia sẽ không nhận được một sự bồi thường nào.

Tuy nhiên, nếu sự ngăn cản hay chậm trễ vượt quá <số> ngày thì bên không gây ngăn cản hay chậm trễ có quyền huỷ hợp đồng.

Điều 14: Phê duyệt và có hiệu lực.

Hợp đồng có hiệu lực từ khi hai bên ký kết và khi nhận được mọi sự phê duyệt cần thiết của Chính phủ hay cơ quan có thẩm quyền.

Các bên có nghĩa vụ thông báo cho nhau ngay lập tức về việc nhận được bất cứ sự phê duyệt nào từ Chính phủ hay cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15: Thời hạn, gia hạn và kết thúc hợp đồng.

15.1 Thời hạn của hợp đồng.

Thời hạn của hợp đồng là <số> năm kể từ ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực.

15.2 Kết thúc và gia hạn hợp đồng.

Vào cuối thời hạn này, hợp đồng sẽ kết thúc trừ khi hai bên cùng đồng ý gia hạn thêm ít nhất là 6 tháng trước ngày kết thúc. Mọi sự gia hạn phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Sau khi hợp đồng kết thúc, Bên nhận tiếp tục sử dụng công nghệ không phải trả tiền, trừ khi các bên hoặc đôi khi chỉ một bên quyết định gia hạn.

15.3 Kết thúc khi thay đổi quyền sở hữu.

Nếu công ty Bên giao thay đổi quyền sở hữu vì các lý do sáp nhập, tiếp quản, hoặc các lý do khác tương tự, thì Bên nhận có quyền chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi cho Bên giao một thông báo về vấn đề này.

Điều 16: Chuyển nhượng quyền lợi và nghĩa vụ

Không một quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng có thể chuyển nhượng hay chuyển giao bởi một bên cho một bên thứ ba mà không có văn bản chấp thuận của bên kia và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 17: Các thông báo.

Các thông báo trong hợp đồng này của một bên gửi bên kia chỉ giá trị nếu được gửi bằng văn bản và phải có chữ ký qua đường hàng không bảo đảm được thanh toán trước hoặc bằng dịch vụ chuyển phát nhanh hoặc bằng điện tín hoặc chuyển fax cho bên kia tại số fax hay địa chỉ thích hợp.

Các thông báo này phải được gửi tới các địa chỉ thích hợp của từng bên như sau:

Bên giao: <địa chỉ>

Bên nhận: <địa chỉ>

Điều 18: Không có hiệu lực từng phần.

Nếu bất kỳ một hoặc một số điều khoản của hợp đồng này không có hiệu lực hoặc trở thành không có hiệu lực, các điều khoản còn lại vẫn không bị ảnh hưởng.

Nếu có điều khoản nào đó không có hiệu lực hay mất hiệu lực thì các bên có trách nhiệm thay thế điều khoản đó bằng điều khoản mới có hiệu lực và đáp ứng được mục đích ban đầu của điều khoản đã mất hiệu lực.

Điều 19: Thỏa thuận toàn bộ và sửa đổi.

19.1 Thỏa thuận toàn bộ

Hợp đồng này tạo ra sự thỏa thuận và hiểu biết đầy đủ giữa hai bên đối với việc chuyển giao công nghệ. Bất kỳ thỏa thuận nào không được thể hiện trong hợp đồng này đều không có giá trị pháp lý.

19.2 Sửa đổi

Nếu các bên đồng ý xem lại, sửa đổi hay bổ sung hợp đồng này thì việc xem xét, sửa đổi hay bổ sung phải được thể hiện bằng văn bản được hai bên cùng ký và chỉ có hiệu lực khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. (đối với hợp đồng pháp luật quy định phải được phê duyệt).

Điều 20: Ngôn ngữ.

20.1 Ngôn ngữ của hợp đồng và bản hợp đồng gốc (chọn 1 trong 3 phương án).

- (a) Ngôn ngữ của hợp đồng là <tiếng>. Hai tài liệu hợp đồng được ký và mỗi bên giữ một bản.
- (b) Hợp đồng này được làm bằng hai thứ tiếng: <tiếng A>, <tiếng B>, trong trường hợp tranh chấp thì sử dụng bản <tiếng A> là chính. Hai bản tài liệu hợp đồng được làm bằng <tiếng A> và hai bản tài liệu hợp đồng được làm bằng <tiếng B> được ký và mỗi bên giữ một bản bằng cả hai thứ tiếng.

(c) Hợp đồng này được làm bằng hai thứ tiếng: <tiếng A>, <tiếng B>, hai bản có giá trị như nhau. Hai bản tài liệu hợp đồng được làm bằng <tiếng A> và hai bản tài liệu hợp đồng được làm bằng <tiếng B> được ký và mỗi bên giữ một bản bằng cả hai thứ tiếng.

20.2 Ngôn ngữ của thư từ và các thông tin khác.

Ngôn ngữ của thư từ và tất cả các thông tin khác giữa hai bên là <tiếng>.

Điều 21: Luật áp dụng.

Hợp đồng này và tất cả các vấn đề có liên quan tới việc xây dựng hợp đồng, hiệu lực hợp đồng và thực hiện hợp đồng sẽ được điều chỉnh theo luật pháp nước sở tại (trong trường hợp luật pháp nước sở tại không điều chỉnh một đối tượng cụ thể nào thì..... sẽ điều chỉnh).

Điều 22: Giải quyết tranh chấp

22.1 Cách giải quyết

Bất cứ tranh chấp, tranh luận hay các phát sinh xuất phát từ hoặc có liên quan tới sự hình thành, tính hiệu lực, sự giải thích, sự áp dụng, sự vi phạm hay huỷ bỏ hợp đồng này được giải quyết bằng xét xử của trọng tài (hoặc toà án) phù hợp với luật phân xử của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật thương mại quốc tế.

22.2 Nơi xử và ngôn ngữ trọng tài

Nơi xử của trọng tài là <thành phố>, ngôn ngữ của trọng tài là <tiếng>

22.3 Số lượng trọng tài

Số lượng trọng tài có mặt là 3.

THI HÀNH

Các bên đã ký hợp đồng vào ngày..... tháng năm.... để thực hiện hợp đồng một cách hợp pháp.

Đại diện và thay mặt Bên giao

Tên công ty

Chữ ký

Tên chữ in chức vụ và chức danh của người ký

Đại diện và thay mặt Bên nhận

Tên công ty

Chữ ký

Tên chữ in chức vụ và chức danh của người ký